

Số: 225/TB-YDHP

Hải Phòng, ngày 14 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc tuyển sinh Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I
Thạc sĩ, Tiến sĩ năm 2025 – Đợt 1**

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tuyển sinh Sau đại học trình độ đào tạo Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Tiến sĩ năm 2025 - đợt 1 như sau:

1. Hình thức và thời gian đào tạo, chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh

1.1. Hình thức, thời gian đào tạo:

1.1.1. Hình thức tuyển sinh:

- Đối với trình độ Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II: thi tuyển
- Đối với trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ: xét tuyển

1.1.2. Thời gian đào tạo:

- Đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II; Thạc sĩ: tập trung 2 năm
- Đối với trình độ Bác sĩ nội trú: tập trung 3 năm
- Đối với trình độ Tiến sĩ:

+ 03 năm đối với người đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II) ngành đúng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

+ 04 năm đối với: Người học đã tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành đúng/phù hợp; Người học đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II) ngành/chuyên ngành phù hợp cần hoàn thiện học phần trình độ thạc sĩ theo Chương trình đào tạo.

1.2. Chuyên ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu năm 2025 - đợt 1
I	Chuyên khoa cấp I	
1	Nội khoa	52
2	Ngoại khoa	57
3	Sản phụ khoa	53
4	Nhi khoa	42
5	Mắt	19
6	Tai Mũi Họng	34

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu năm 2025 - đợt 1
7	Hóa sinh	0
8	Răng Hàm Mặt	65
9	Chẩn đoán hình ảnh	40
10	Lao	0
11	Y học cổ truyền	50
12	Y học gia đình	28
13	Y tế công cộng	41
14	Ung thư	21
15	Tâm thần	28
16	Xét nghiệm y học	60
17	Gây mê hồi sức	28
18	Dược lý và DLS	60
19	Y học dự phòng	25
20	Điều dưỡng	300
21	PTTH& Thẩm mỹ	29
22	Da liễu	42
23	Phục hồi chức năng	22
	Tổng	1096
II	Chuyên khoa cấp II	
1	Nội chung	55
2	Nội tim mạch	
3	Nội hô hấp	
4	Ngoại chung	50
5	Ngoại CTCH	
6	Ngoại tiêu hóa	
7	Sản phụ khoa	35
8	Quản lý Y tế	28
9	Nhi chung	27

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu năm 2025 - đợt 1
10	Răng hàm mặt	14
11	Tâm thần	12
12	Y học cổ truyền	20
13	Gây mê hồi sức	9
14	Chẩn đoán hình ảnh	9
	Tổng	259
III	Bác sĩ nội trú	
1	Nội khoa	20
2	Nhi khoa	19
3	Ngoại khoa	30
4	Sản khoa	6
5	Răng Hàm Mặt	4
6	Chẩn đoán hình ảnh	7
	Tổng	86
IV	Thạc sĩ	
1	Nội khoa	20
2	Ngoại khoa	20
3	Nhi khoa	20
4	Y tế công cộng	15
5	Y học biển	12
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	35
7	Dược lý và Dược lâm sàng	25
8	Điều dưỡng	25
	Tổng	172
V	Tiến sĩ	
1	Y tế công cộng	10
2	Nhi khoa	10
3	Nội khoa	10

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu năm 2025 - đợt 1
4	Ngoại khoa	15
	Tổng	45
	Tổng chung	1658

(Ghi chú: Chỉ tiêu trên là dự kiến, chỉ tiêu chính xác nhà trường sẽ thông báo sau)

2. Điều kiện dự thi/ dự tuyển, các môn thi tuyển/xét tuyển

2.1. Chuyên khoa cấp II

2.1.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I/BSNT hoặc bằng thạc sĩ đăng ký dự thi đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I/BSNT hoặc thạc sĩ hoặc đăng ký dự thi theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I/BSNT hoặc thạc sĩ.

Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa II QLYT thì cần thêm chứng chỉ bổ sung kiến thức YTCC (trong trường hợp văn bằng chuyên khoa I/BSNT/Thạc sĩ không thuộc ngành YHDP, YTCC, QLYT)

b) Yêu cầu về thâm niên

Sau khi tốt nghiệp chuyên khoa I/BSNT hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính đến thời điểm dự thi) và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).

2.1.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn 1	Môn 2
1.	Nội chung	Nội	Ngoại ngữ
2.	Nội hô hấp	Nội	Ngoại ngữ
3.	Nội Tim mạch	Nội	Ngoại ngữ
4.	Ngoại chung	Ngoại	Ngoại ngữ
5.	Ngoại Tiêu hoá	Ngoại	Ngoại ngữ
6.	Ngoại CTCH	Ngoại	Ngoại ngữ
7.	Nhi chung	Nhi	Ngoại ngữ
8.	Sản Phụ khoa	Sản PK	Ngoại ngữ
9.	Quản lý Y tế	Dịch tễ-TCQLYT	Ngoại ngữ
10.	Tâm thần	Tâm thần	Ngoại ngữ
11.	Y học cổ truyền	YHCT	Ngoại ngữ

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn 1	Môn 2
12.	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ
13.	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại ngữ
14.	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Ngoại ngữ

Môn thi 2 (Ngoại ngữ): Thí sinh thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) ở trình độ B. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn thi môn này (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo Dục & Đào tạo).

2.2. Chuyên khoa cấp I

2.2.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

- Thí sinh có bằng đại học thuộc ngành học tương ứng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

b) Yêu cầu về thâm niên

- Có chứng chỉ hành nghề phù hợp chuyên ngành dự thi (đối với các lĩnh vực cần có chứng chỉ hành nghề); Thí sinh có Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề đa khoa được dự thi chuyên ngành Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Y học dự phòng, Y học gia đình.

- Trường hợp thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề (Không áp dụng cho các bác sĩ Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Điều Dưỡng, Dược) thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi.

2.2.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
1.	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
2.	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
3.	Y học cổ truyền	Sinh lý	Y học cổ truyền

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
4.	Y học gia đình	Sinh lý	Y học gia đình
5.	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
6.	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
7.	Xét nghiệm y học	Sinh lý	Xét nghiệm y học
8.	Lao	Sinh lý	Lao
9.	Hoá sinh	Sinh lý	Hoá sinh
10.	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa
11.	Ung thư	Giải phẫu	Ung thư
12.	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa
13.	Nhãn khoa	Giải phẫu	Mắt
14.	Tai Mũi Họng	Giải phẫu	Tai Mũi Họng
15.	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	Răng Hàm Mặt
16.	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
17.	Điều dưỡng	Giải phẫu	Điều dưỡng
18.	Y tế công cộng	Dịch tễ học	Tổ chức Quản lý y tế
19.	Y học Dự phòng	Dịch tễ học	Y học dự phòng
20.	Dược lý và dược lâm sàng	Dược động học	Dược lý
21.	Da liễu	Sinh lý	Da liễu
22.	Phục hồi chức năng	Giải phẫu	Phục hồi chức năng
23.	Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ	Giải phẫu	Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ

2.3. Bác sĩ nội trú

2.3.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi, hệ chính quy, năm 2025 và đạt loại khá trở lên. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

2.3.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi			
		Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4
1.	Nội khoa	Ngoại ngữ	Nội dung đề thi môn 2 gồm 4 môn (Sinh lý, Giải phẫu, Hoá sinh, Dinh học-Di truyền)	Nội	Nhi
2.	Ngoại khoa	Ngoại ngữ		Ngoại	Sản
3.	Sản phụ khoa	Ngoại ngữ		Sản	Ngoại
4.	Nhi khoa	Ngoại ngữ		Nhi	Nội
5.	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ		Nha khoa	Phẫu thuật miệng hàm mặt
6.	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại ngữ		Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại

Môn thi 1 (Ngoại ngữ): Thí sinh thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) ở trình độ B. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn thi môn này (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo Dục & Đào tạo).

2.3.3. Đăng ký nguyện vọng 2: Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành chính (chuyên ngành 1), nếu không đủ điểm trúng tuyển được phép đăng ký chuyển sang nguyện vọng 2 theo hệ Nội khoa- Nhi khoa; hoặc hệ Ngoại khoa-Sản phụ khoa với điều kiện điểm chuyên ngành 2 đạt từ 7 điểm trở lên.

2.4. Thạc sĩ

2.4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển thạc sĩ

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng/ ngành phù hợp (được quy định tại Phụ lục 2) đối với tuyển sinh trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng; Đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;
- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 3);

2.4.2. Hình thức và cách thức tuyển sinh thạc sĩ

2.4.2.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.4.2.2. Cách thức xét tuyển

* **Môn xét tuyển:** Môn xét tuyển được lựa chọn là điểm TB học tập toàn khoá và điểm chuyên ngành của đối tượng dự tuyển.

Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

Căn cứ Căn cứ vào điểm TBTK của điểm học tập toàn khoá và điểm chuyên ngành của đối tượng dự tuyển.

*** Ngành xét tuyển và tổ hợp xét tuyển:**

TT	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	
		Điểm TBTK	Môn chuyên ngành (Điểm trung bình các môn)
1.	Nội khoa	Điểm TBTK	Nội khoa
2.	Ngoại khoa	Điểm TBTK	Ngoại khoa
3.	Nhi khoa	Điểm TBTK	Nhi khoa
4.	Y tế công cộng	Điểm TBTK	Chọn một trong các môn sau: Dinh dưỡng & ATTP, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Giáo dục sức khỏe
5.	Y học biển	Điểm TBTK	Y học biển
6.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Điểm TBTK	Chọn một trong các môn sau: Kí sinh trùng, Hóa sinh, Vi sinh, Huyết học, Giải phẫu bệnh
7.	Dược lý và Dược lâm sàng	Điểm TBTK	Dược lý
8.	Điều dưỡng	Điểm TBTK	Chọn một trong các môn sau: Nội, Ngoại, Sản, Nhi

* Đối với chương trình module thì điểm chuyên ngành được tính trung bình từ các module liên quan đến chuyên ngành dự thi.

2.4.3. Điều kiện xét trúng tuyển.

2.4.3.1. Điều kiện xét tuyển

- Điểm TBTK và môn chuyên ngành được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.

2.4.3.2. Xét trúng tuyển.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm trung bình toàn khoá, điểm môn chuyên ngành và điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

- Các thí sinh có điểm đạt của các môn xét tuyển sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành, trung bình toàn khoá với điểm ưu tiên (nếu có), tính từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo ngành/chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

- Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào tiêu chí phụ thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự theo tiêu chí sau:

Tiêu chí phụ 1: Điểm học phần chuyên ngành (theo thang điểm 10).

Tiêu chí phụ 2: Điểm trung bình toàn khóa.

Tiêu chí phụ 3: Năng lực ngoại ngữ (Quy đổi sang 6 bậc Việt Nam) và điểm trung bình văn bằng ngoại ngữ.

2.5. Tiến sĩ

2.5.1. Điều kiện dự tuyển

2.5.1.1. Văn bằng: Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại Giỏi trở lên, ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển đã được Hội đồng tuyển sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng phê duyệt.

2.5.1.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Ứng viên phải là tác giả của tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển đã được đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 24 tháng, tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

2.5.1.3. Kinh nghiệm công tác chuyên môn

Ứng viên có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

2.5.1.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

Ứng viên là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 3 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

d) Ứng viên là công dân nước ngoài học chương trình tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2.5.1.5. Có đề cương nghiên cứu (Phụ lục 4), gồm các nội dung sau:

- a) Lý do mong muốn chọn trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2 trang).
- b) Đặt vấn đề, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu đề tài (2 trang).
- c) Tổng quan tài liệu (10 trang).
- d) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu (12 trang).
- e) Dự kiến kết quả nghiên cứu (2 trang)
- g) Dự kiến bàn luận (1 trang)
- h) Dự kiến kết luận (không bắt buộc)
- i) Tài liệu tham khảo (không tính vào số trang quy định của đề cương)
- j) Phụ lục (Các phụ lục kèm theo)

2.5.1.6. Có giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học (mẫu 7) của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định (phục lục 6)

2.5.1.7. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu; hoặc 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng lĩnh vực và thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. (Mẫu 8)

2.5.1.8. Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu cho đi dự tuyển (Mẫu 3);

2.5.1.9. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

2.5.1.10. Hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2.5.1.11. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo qui định của cơ sở đào tạo.

2.5.2. Hình thức và cách thức tuyển sinh

2.5.2.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.5.2.2. Cách thức tuyển sinh

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đó có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận; điểm công trình khoa học (qua các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế có bình duyệt và được xuất bản);

Thí sinh được phỏng vấn trình độ chuyên môn, thẩm định trình độ ngoại ngữ và bảo vệ đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn.

+ Điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ và năng lực của ứng viên), tối đa 30 điểm: tối thiểu đạt ≥ 25 điểm. Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào 0 điểm)

+ Điểm phần 2 (điểm đánh giá đề cương nghiên cứu) tối đa 70 điểm: Điểm tối thiểu đạt ≥ 25 điểm (phụ lục 5)

2.5.3. Xét trúng tuyển:

Xếp thứ tự tổng điểm của phần 1 và phần 2 từ cao đến thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành.

Trường hợp trong 01 đợt xét tuyển cùng ngành ứng viên có tổng điểm bằng nhau. Xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên

1. Tổng điểm phần 2 cao hơn.
2. Điểm bài báo và thành tích nghiên cứu khoa học cao hơn.

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

3.1. Đối tượng ưu tiên

Mục	Nội dung chính sách ưu tiên	Xét ưu tiên		Minh chứng pháp lý
		CKI, Thạc sĩ	CKII	
1.	Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.	x	x	▪ Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự; ▪ Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận công tác, quyết định phân công công tác hoặc hợp đồng lao động (sau tốt nghiệp Đại học/Sau đại học);
2.	Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	x		▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền. ▪ Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh.
3.	Thí sinh là con liệt sĩ.	x		▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền ▪ Bản sao công chứng xác nhận gia đình liệt sĩ.
4.	Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang (LLVT), anh hùng lao động.	x		▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền. ▪ Bản sao công chứng xác nhận là Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động.
5.	Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục (1) trong bảng này.	x	x	▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thường trú tại địa phương. ▪ Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).

Mục	Nội dung chính sách ưu tiên	Xét ưu tiên		Minh chứng pháp lý
		CKI, Thạc sĩ	CKII	
6.	Thí sinh là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.	x		▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập. ▪ Bản sao công chứng chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

3.2. Chính sách ưu tiên

TT	Xét ưu tiên	Cộng điểm ưu tiên vào tổng điểm trúng tuyển
1	Chuyên khoa cấp II*	Miễn ngoại ngữ đầu vào
2	Chuyên khoa cấp I	1đ
3	Thạc sĩ	1đ

Thí sinh thuộc diện chính sách ưu tiên mục 1 hoặc mục 5 được xét miễn ngoại ngữ đầu vào, nếu trúng tuyển phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra là bậc 3 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc thi qua môn ngoại ngữ với đề thi đạt trình độ bậc 3 và có phần kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào tổng điểm thi. Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi hết thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.

4. Hồ sơ dự thi tuyển

4.1. Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp II

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang (Mẫu 2)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	x	x	x	x
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	x	x	x	x
5	Bản sao công chứng văn bằng đại học & sau đại học. Thí sinh tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
	chuyên ngành đào tạo. Bản sao công chứng Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối YTCC với thí sinh dự thi chuyên ngành CKII QLYT.				
6	Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).	x	x	x	x
7	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức.	x	x	x	
8	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 3)	x	x		
9	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 4)				x
10	Minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) (Mẫu 5)	x	x	x	x
11	02 bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hoặc minh chứng ưu tiên miễn thi ngoại ngữ (nếu có)	x	x	x	x

4.2. Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp I

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lí lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự (thí sinh tự do có xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (Mẫu 2)	x	x	x	x
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	x	x	x	x
5	Bản sao công chứng văn bằng đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
	ngành/ chuyên ngành đào tạo.				
6	Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	x	x	x	x
7	Giấy chứng nhận thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi đối với các thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn.	x	x		x
	Danh sách làm việc đăng ký tại Sở y tế hoặc đóng bảo hiểm xã hội			x	
8	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức.	x	x		
9	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 4)	x	x		
10	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 5)				x
11	Mình chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) (Mẫu 5)	x	x	x	x

4.3. Hồ sơ dự tuyển Bác sĩ nội trú

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự (thí sinh tự do có xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	Xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (Mẫu 2)	x	x	x	x
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
5	Bản sao công chứng văn bằng đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.	x	x	x	x
6	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng.	x	x	x	x
7	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 4)	x	x		
8	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 5)				x

4.4. Hồ sơ dự xét tuyển thạc sĩ:

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lí lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang (Mẫu 2)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	x	x	x	x
4	Hai bì thư, 04 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	x	x	x	x
5	Bản sao công chứng, bảng điểm, văn bằng đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì bảng điểm, văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
6	Bản sao công chứng Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các chuyên ngành tuyển sinh có yêu cầu.	x	x	x	x
7	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức.	x	x		
	Danh sách làm việc đăng kí tại Sở y tế hoặc đóng bảo hiểm xã hội			x	
8	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 3)	x	x		
9	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 4)				x
10	Minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) (Mẫu 5)	x	x	x	x
11	02 bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (nếu có)	x	x	x	x

4.5. Hồ sơ xét tuyển nghiên cứu sinh

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lí lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang (Mẫu 2)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	x	x	x	x
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	x	x	x	x
5	Bản sao công chứng, bảng điểm, văn bằng đại học và sau đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học/sau đại học ở nước ngoài thì bảng điểm, văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo (08 bộ)	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
6	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức.	x	x		
	Danh sách làm việc đăng kí tại Sở y tế hoặc đóng Bảo hiểm xã hội			x	
7	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 3)	x	x		
8	Lí lịch khoa học (mẫu 6)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
9	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 4)				x
10	Bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (08 bộ)	x	x	x	x
11	Bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (08 bộ)	x	x	x	x

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
12	Đề cương nghiên cứu và dự thảo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá theo mẫu của trường đã được người dự kiến hướng dẫn và lãnh đạo khoa/bộ môn của ngành dự tuyển ký xác nhận. (08 quyển)	x	x	x	x
13	Giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định (Mẫu 7)	x	x	x	x
14	Hai thư giới thiệu. (08 bộ)	x	x	x	x
15	Các minh chứng đủ điều kiện của người dự kiến hướng dẫn	x	x	x	x
16	Danh mục các bài báo khoa học đã công bố (trang bìa, phụ bìa, mục lục, toàn văn) (8 bộ)	x	x	x	x

Ghi chú: Tất cả giấy tờ được đánh số (góc trên bên phải của trang đầu), xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ. Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu đã dự thi mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí dự tuyển:

- Lệ phí tuyển sinh: BSNT, CKII, CKI, Thạc sĩ: 500.000đ/thí sinh.
- Lệ phí tuyển sinh tiến sĩ: 2.000.000đ/thí sinh.

Hồ sơ và kinh phí tuyển sinh không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ và thi tuyển

Nhận hồ sơ trong giờ hành chính, tại phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học (phòng 301, nhà A) Trường Đại học Y Dược Hải Phòng số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Học viên nộp hồ sơ tại phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, nộp lệ phí dự tuyển tại phòng Tài chính kế toán. Phòng Quản lý ĐT Sau Đại học tiếp nhận hồ sơ thí sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh xem xét, phê duyệt thí sinh đủ điều kiện dự thi theo quy định và thông báo cho thí sinh.

* Đối với trình độ Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, II:

- Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày: 30/6/2025

- Thời gian Hội đồng tuyển sinh xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện/không đủ điều kiện dự thi: 03/7/2025 – 04/7/2025

Dự kiến thí sinh tập trung ôn thi tại trường: 01/07/2025 – 20/07/2025

Dự kiến thời gian thi tuyển vào 26-27/7/2025

Dự kiến công bố kết quả thi tuyển ngày 28/7/2025

Dự kiến nhận đơn phúc khảo từ ngày 28/7/2025 – 30/7/2025

Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển ngày 01/8/2025

Dự kiến nhập học ngày 08/8/2025

* Đối với trình độ thạc sĩ:

- Thời gian nhận hồ sơ dự tuyển-đợt 1 đến hết ngày 30/6/2025.

- Thời gian dự kiến xét tuyển vào 04/7/2025 đến 28/7/2025. Kế hoạch chi tiết chính thức sẽ thông báo sau. Thời gian dự tuyển Thạc sĩ-đợt 2 dự kiến vào tháng 9/2025.

* Đối với trình độ tiến sĩ:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Bắt đầu nhận hồ sơ và xét tuyển liên tục cho đến hết chỉ tiêu được giao hoặc đến hết ngày 30/12/2025.

- Xét và công bố trúng tuyển dự kiến như sau:

Tháng 05/2025 (cho các hồ sơ xét tuyển tháng 3, tháng 4 và tháng 5)

Tháng 9/2025 (cho các hồ sơ xét tuyển tháng 7, tháng 8 và tháng 9)

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển, thí sinh vui lòng xem tại website: www.hpmu.edu.vn hoặc Điện thoại: 0379.775.879

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn. Trân trọng./

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các trường Đại học, CĐ & TC Y Dược;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu QLĐTSDH, VT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ YÊU CẦU HỌC PHẦN
CẦN HOÀN THIỆN CỦA CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 cần hoàn thiện học phần ThS	
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7 (CKII/BSNT)	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển
1	Ngoại khoa	Y khoa	- Ngoại tổng quát - Ngoại chấn thương chỉnh hình - Ngoại lồng ngực - Ngoại Tiết niệu - Ngoại thần kinh và sọ não - Ngoại tiêu hóa	- Phẫu thuật tạo hình/thẩm mỹ - Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ tái tạo - Ung thư - Ngoại nhi	30 tín chỉ học phần chuyên ngành ThS Ngoại
2	Nhi khoa	Y khoa	- Nhi tổng quát - Nhi Nội tiết - Nhi Hô hấp - Nhi Tim mạch - Nhi Tiêu hoá - Nhi Thận tiết niệu - Nhi cơ xương khớp	- Hồi sức cấp cứu - Thần kinh - Huyết học - Truyền nhiễm - Tâm Thần	30 tín chỉ học phần chuyên ngành ThS Nhi
3	Nội khoa	Y khoa	- Nội tổng quát - Nội Nội tiết - Nội Hô hấp - Nội Tim mạch - Nội Tiêu hoá - Nội Thận tiết niệu - Nội cơ xương khớp	- Hồi sức cấp cứu - Thần kinh - Lão khoa - Huyết học - Truyền nhiễm - Tâm Thần - Phục hồi chức năng - Lao bệnh phổi	30 tín chỉ học phần chuyên ngành ThS Nội
4	Y tế công cộng	YTCC YHDP Y khoa	- Y tế công cộng - Y học dự phòng - Dịch tễ học	-Các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe khác với YTCC, YHDP,DTH (Mã ngành 872 được quy định theo thông tư 09/2022/TT-BGDĐT)	30 tín chỉ học phần chuyên ngành ThS YTCC

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRONG
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành/chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Tốt nghiệp đại học Ngành đúng (không phải bổ sung kiến thức)	Tốt nghiệp ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần, tín chỉ học bổ sung
1.	Nội khoa	Y khoa	Không áp dụng	
2.	Nhi khoa	Y khoa	Không áp dụng	
3.	Ngoại khoa	Y khoa	Không áp dụng	
4.	Y học biển	Y khoa	Không áp dụng	
		Y học dự phòng	Không áp dụng	
5.	Dược lý và Dược lâm sàng	Dược học	Không áp dụng	
6.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
			-Khối ngành sức khỏe (772); -Sinh học -Công nghệ sinh học.	Bổ sung kiến thức Kỹ thuật xét nghiệm 12 TC (Hoá sinh, Huyết học, Vi sinh, ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh) và có tối thiểu 12 tháng công tác trong lĩnh vực sức khỏe.
7.	Y tế công cộng	Y tế công cộng		
		Y học dự phòng		
		Y khoa		
			Dược sĩ; Điều dưỡng - hộ sinh; Dinh dưỡng; Răng hàm mặt; Kỹ thuật y học; Y học cổ truyền.	Bổ sung kiến thức Y tế công cộng 10 TC (Dinh dưỡng & ATTP, Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp và Giáo dục sức khỏe)

TT	Ngành/chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Tốt nghiệp đại học Ngành đúng (không phải bổ sung kiến thức)	Tốt nghiệp ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức trước khi dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần, tín chỉ học bổ sung
			Y sinh học thể dục thể thao, Xã hội học, Nhân học, Kinh tế, Thống kê kinh tế, Quản trị-Quản lý, Tâm lý học, Sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Công tác xã hội, Thú y	Bổ sung kiến thức 12 TC (Sinh lý; Dinh dưỡng & ATTP, Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp và Giáo dục sức khỏe) và có tối thiểu 12 tháng công tác trong lĩnh vực sức khỏe.
8.	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Không áp dụng	

PHỤ LỤC 3:

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo và theo quy định hiện hành)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B 1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang diem: 160-179
		Toeic	B1	B2
		Linguaskill thi tại REAP -VN247		
		Aptis ESOL Do Bộ GD & ĐT công nhận tại QĐ số 925/QĐ – BGD & ĐT ngày 31/03/2023	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance franpaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF BI DiplSme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplfime de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKPt - TecT nO pyccxoMy sasIxy xax oHOcTpaHHoMy	TPKH-1	TPKN-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp Theo thông báo số 1098/TB -QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 07/7/2023 về danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP HCM
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương TP HCM
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31.	Trường Đại học Đồng Tháp
32.	Trường Đại học Duy Tân
33.	Trường Đại học Phenikaa
34.	Học viện Ngân hàng
35.	Trường Đại học Tài chính – Marketing

PHỤ LỤC 4:

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP/NGHIÊN CỨU

I. Một số quy định

1. Sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 hệ soạn thảo Winword.
2. Giãn dòng 1,5 lines, lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.
3. Đánh số trang ở trên giữa mỗi trang giấy, bắt đầu từ phần đặt vấn đề.
4. Đề cương in một mặt, đóng bìa mềm, trang bìa và trang phụ bìa trình bày theo mẫu.
5. Có chữ ký của người dự kiến hướng dẫn và xác nhận của Khoa/Bộ môn ở trang phụ bìa (01 quyển có xác nhận và chữ ký gốc + 07 quyển chữ ký photo).

II. Cấu trúc đề cương nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu dài **tối đa 30 trang**, không kể phụ lục và tài liệu tham khảo, gồm những nội dung chính sau:

1. Lý do mong muốn đăng ký học NCS tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (tối đa không quá 2 trang): Cần làm rõ quá trình công tác, các thành tích chuyên môn và nghiên cứu khoa học đã đạt được, việc học NCS tại Trường ĐHYDHP sẽ giúp ích gì cho sự phát triển của ứng viên.

2. Đặt vấn đề, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu đề tài (tối đa 2 trang): Cần làm nổi bật câu hỏi nghiên cứu và đưa ra các minh chứng rõ ràng về ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn, tính mới của nghiên cứu. Trình bày mục tiêu đề tài theo đúng quy định về cách viết mục tiêu.

3. Tổng quan tài liệu (tối đa 10 trang): Cấu trúc tổng quan tài liệu bám sát mục tiêu nghiên cứu, thể hiện được năng lực tóm tắt và tổng hợp các tài liệu, nghiên cứu khác của học viên. Tổng quan tài liệu không trình bày các nội dung mang tính kinh điển trong sách giáo khoa.

4. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 trang) gồm các tiểu mục sau:
- a) Tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng nghiên cứu
 - b) Địa điểm và thời gian nghiên cứu (thời gian nghiên cứu phân định rõ thời gian thu nhận đối tượng nghiên cứu và thời gian phân tích số liệu, viết bài báo và luận án)
 - c) Thiết kế nghiên cứu
 - d) Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu
 - e) Biến số/chỉ số nghiên cứu: cần xác định rõ biến số đầu ra/kết cục lâm sàng chính (primary study outcomes) và các biến số liên quan/ảnh hưởng (covariates).
 - f) Phương pháp/công cụ thu thập thông tin
 - g) Kỹ thuật can thiệp sử dụng trong nghiên cứu
 - h) Quy trình nghiên cứu (nêu rõ các thời điểm thu thập thông tin các biến số trong mục e. thời điểm can thiệp)
 - i) Sai số tiềm năng và biện pháp khống chế
 - j) Dự kiến phương pháp thống kê để sử dụng phân tích số liệu
 - k) Đạo đức nghiên cứu

Dự kiến kết quả nghiên cứu (tối đa 2 trang): Trình bày ít nhất 03 bảng trống liên quan đến đặc điểm đối tượng nghiên cứu, các mục tiêu nghiên cứu, mỗi mục tiêu ít nhất 01 hàng. Bảng trống cần thể hiện được phương pháp thống kê sử dụng.

5. Dự kiến Bàn luận (1 trang)

6. Dự kiến Kết luận (không bắt buộc)

7. Tài liệu tham khảo (không tính vào số trang giới hạn của đề cương). Phần này không đánh số trang. Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số thứ tự xuất hiện trong Đề cương, không theo tên tác giả và năm.

8. Phụ lục

Phụ lục 1: Kế hoạch thực hiện nghiên cứu

Phụ lục 2: Dự trù kinh phí cho đề tài (nếu có)

Phụ lục 3: Thông tin thêm về kỹ thuật can thiệp trong nghiên cứu

Phụ lục 4: Công cụ thu thập thông tin (nếu có)

Phụ lục 5: Phiếu cung cấp thông tin và Đơn tham gia nghiên cứu

Phụ lục 6: Các nội dung khác (nếu có)

III. Kế hoạch học tập, nghiên cứu và xuất bản các bài báo: Phần này không tính trong 30 trang đề cương, cần nêu rõ các nội dung

Thời gian dự kiến hoàn thành các học phần hoàn thiện chương trình ThS (nếu có) và học phần tiến sĩ?

Thời gian thu thập số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc? Thời gian phân tích số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc?

Dự kiến đăng tải bài báo:

+ Dự kiến tên bài báo, nội dung bài báo, tạp chí đăng tải

+ Dự kiến thời gian viết báo, thời gian đăng tải thành công bài báo

Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (cấp cơ sở)

Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp Trường.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

BỘ Y TẾ



HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

HẢI PHÒNG -20...

Trang Phụ bìa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1.**
- 2.**

HẢI PHÒNG -20...

PHỤ LỤC 5:
TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2025

Thang điểm xét tuyển:

Phần 1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển (30 điểm) thang điểm như sau:

STT	Nội dung xét					Thang điểm	Điểm đạt
1	Kết quả học tập (Chỉ chấm điểm cho mục 1.1 hoặc 1.2)	1.1. Có Bằng thạc sĩ/Bác sĩ nội trú/Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Trung bình chung học tập (Chỉ chấm 1 trong hai mục)	Ngành đúng	≥9,0	7	
					Từ 8,0 đến dưới 9.0	5	
					Từ 5,5 đến dưới 8.0	3	
			Ngành phù hợp	>9.0	5		
				Từ 8.0 đến dưới 9.0	3		
				Từ 5,5 đến dưới 8.0	2		
		Điểm luận văn			≥9,0	3	
					<9,0	2	
		1.2. Đại học	Trung bình chung học tập (Chỉ chấm một trong hai mục)	Ngành đúng	Xuất sắc	7	
					Giỏi	5	
				Ngành phù hợp	Xuất sắc	5	
					Giỏi	3	
2	Kinh nghiệm & thành tích nghiên cứu khoa học (trong vòng 36 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ)	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)		3	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)		2	
			Trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có phản biện	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)		2	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)		1,5	
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước đượcHĐC DGSNN tính 1 điểm	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)		1,5	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)		1	
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được	Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)		1	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)		0,5	

			HĐCDGS NN tính 0.75 điểm			
			Tập chí khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	0,5	
				Tác giả khác (số bài báo X thang điểm)	0,25	
		Côn g trình nghiên cứu (<i>Đã nghiệm thu</i>)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/T hành phố (số đề tài X thang điểm)	Tham gia	5	
			Đc tài cấp cơ sở (số đề tài X thang điểm)	Chủ nhiệm Đề tài Thư ký Đề tài Tham gia	5 3 1	
		Thành tích nghiên cứu khoa học	Bằng lao động sáng tạo, Bằng khen về thành tích nghiên cứu khoa học, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên		2	
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học		1	
		3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Trên 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành		2
Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				1,5		
Dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				1		
4	Người dự kiến hướng dẫn	Đã công bố từ 03 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI		5		
		Đã công bố 02 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI		3		
		Đã công bố 01 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI		1		
Tổng điểm phần 1						

Lưu ý: Tổng điểm phần 1 tối thiểu đạt 15đ và không có mục nào 0 điểm.

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: 70 điểm

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: tối đa 50 điểm

TT	Nội dung chấm.	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý tưởng nghiên cứu: có khả năng đăng báo quốc tế và dự kiến kế hoạch đăng bài báo quốc tế có tính khả thi	10	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng	5	
3	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	10	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ, sử dụng kỹ thuật mới cập nhật hoặc có cải tiến, sáng tạo	10	
5	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	10	
6	Bố cục hợp lý, tài liệu tham khảo chính xác, cập nhật được trích dẫn đầy đủ	5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		50	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): tối đa 20 điểm

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin, khả năng sắp xếp công việc, khả năng làm việc theo nhóm....	5	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 20 phút	5	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (ít nhất 05 câu. Mỗi câu 02 điểm)	10	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		20	

Lưu ý: Điểm đánh giá đề cương nghiên cứu mục 2.1 phải đạt >25 điểm. Tổng điểm hai phần phải đạt >35 điểm.

Phụ lục 6

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Trích Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công hướng dẫn có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

2. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của cơ sở đào tạo và theo quy định pháp luật liên quan.

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

c) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo;

Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau: Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của cơ sở đào tạo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN/THI TUYỂN

Trình độ

Chuyên ngành

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Họ và tên: Nam, nữ:

Ngày tháng năm sinh:..... Nơi sinh:

Quê quán:..... Dân tộc:

Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Email:.....

Cơ quan công tác hiện nay:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Ngày vào đảng CSVN:..... Ngày chính thức:

Điện thoại: NR:..... CQ:..... ĐT:

Nơi tốt nghiệp:..... Năm tốt nghiệp:.....

Ngành đào tạo: Loại tốt nghiệp:.....

Đăng ký xét tuyển ngoại ngữ: Anh: ☐ Pháp: ☐ Khác (ghi cụ thể)

Đăng ký xét tuyển môn chuyên ngành:.....

Đối tượng ưu tiên: Có: ☐ Không: ☐

Tôi xin đảm bảo những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, tự nguyện đăng ký dự tuyển/thi tuyển và cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế và các quy định của Nhà trường, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2025

Xác nhận của cơ quan
(nếu có)

Người dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH
TỰ THUẬT**

Họ và tên : Nam, nữ:.....

Ngày sinh:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

CCCD:

Cấp tại:

Dân tộc:..... Tôn giáo

Ngày..... tháng năm

Khi cần báo tin cho ai? ở đâu?.....

.....

.....

DD:

Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Tốt nghiệp đại học:

Ngành học: Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo:

Nơi đào tạo:

2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo:

Nơi đào tạo:

Ngành học:

Tên luận văn:

.....

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2) Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

V/v. cử cán bộ y tế dự thi sau đại học

....., ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2025.

Căn cứ Thông báo số/ TB-YDHP ngàytháng....năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc tuyển sinh Sau đại học năm 2025

Căn cứ nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ y tế;

Nay(2)

cử thạc sĩ/ bác sĩ/ dược sĩ/ cử nhân(3)

hiện đang công tác trong chuyên ngành..... (4) đăng ký

dự thi:

+ Bậc đào tạo:..... (5)

+ Hệ đào tạo: Tập trung.

+ Chuyên ngành dự thi:..... (6)

Trân trọng cảm ơn!

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ (7)**

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.
- (3) Họ tên người dự thi.
- (4) Tên chuyên ngành người dự thi đang công tác.
- (5) Bậc đào tạo: Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II
- (6) Tên chuyên ngành dự thi (theo thông báo tuyển sinh)
- (7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký như: Hiệu trưởng, Giám đốc, Viện trưởng, v.v....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi:

- Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm;
- Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học Trường Đại học Y Dược

Hải Phòng.

Tên tôi là:.....Nam/Nữ:.....

Ngày sinh:.....

Nơi sinh:.....

Tôi có nguyện vọng đăng ký dự thi:

+ Bậc đào tạo:

+ Chuyên ngành:.....

Trong thời gian đăng ký dự tuyển, tôi không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Tôi xin cam kết điều trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước nhà trường và pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA UBND
XÃ/PHƯỜNG NƠI CƯ TRÚ
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng
dấu cơ quan)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN ĐIỆN ƯU TIÊN

Tên cơ quan:

Xác nhận ông/bà:.....Nam/Nữ:.....Dân tộc:.....

Sinh ngày:..... Nơi sinh:.....

Hiện công tác tại (ghi rõ Khoa, phòng, tên cơ quan, địa chỉ cơ quan công tác):

.....

.....

Từ ngày.....tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Thuộc một trong các diện ưu tiên sau (**đánh dấu “x” vào ô tương ứng bên dưới kèm theo bản sao có công chứng các giấy tờ liên quan để minh chứng**)

☐ Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

☐ Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

☐ Thí sinh là con liệt sĩ

☐ Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang (LLVT), anh hùng lao động.

☐ Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

☐ Thí sinh là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học

Ghi chú:

- Người thuộc nhiều diện ưu tiên chỉ được hưởng một chế độ ưu tiên.

- Thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xác nhận nội dung trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Thủ trưởng cơ quan hoặc
chính quyền địa phương**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu cơ quan)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Chức danh khoa học:

Học vị:

Chuyên ngành:

Chức vụ công tác:.....

Đơn vị công tác:

Qua tìm hiểu các quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh

Theo điều 4,5,6 Chương I Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ vào phẩm chất, năng lực chuyên môn cũng như đề tài/lĩnh vực dự định nghiên cứu của ông/bà

Tôi xin cam đoan có đủ các điều kiện của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và chấp thuận làm người hướng dẫn khoa học cho đề tài luận án của ông/bà

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI LÀM ĐƠN CHẤP THUẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

THƯ GIỚI THIỆU

Kính gửi: Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là:

Học hàm:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Email:

Là chuyên gia thuộc ngành (*nếu người giới thiệu là nhà khoa học*) hoặc là Thủ trưởng đơn vị công tác của ông (bà):

Tôi xin giới thiệu ông (bà), hiện là ứng viên dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ vào Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022 chuyên ngành đào tạo

Tôi đã có thời gian trên 6 tháng công tác, cùng hoạt động chuyên môn với ông/bà và có một số nhận xét, đánh giá về năng lực, phẩm chất của ông/bà cụ thể như sau

a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

b) Năng lực hoạt động chuyên môn;

c) Phương pháp làm việc;

d) Khả năng nghiên cứu;

đ) Khả năng làm việc theo nhóm;

e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

g) Trình độ ngoại ngữ

h) Triển vọng phát triển về chuyên môn;

i) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

Với những phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn như trên, ông/bà hoàn toàn đủ khả năng làm nghiên cứu sinh

Tôi xin trân trọng giới thiệu ông/bà đến trường Đại học Y Dược Hải Phòng đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2022

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI GIỚI THIỆU